

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05-5-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Bé;

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phan Ngọc Q, sinh ngày 02-01-1994; cư trú ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ đang sinh sống tại số 197, tổ 07, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh Trương Hữu T, sinh ngày 08-9-1991; cư trú ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-02-2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chị Phan Ngọc Q trình bày: chị Q và anh T chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 268, ngày đăng ký 26-12-2013 theo bản sao trích lục kết hôn số 150/TLKH-BS ngày 14-01-2022 cấp cho chị Phan Ngọc Q và anh Trương Hữu T.

Quá trình chung sống, chị Q và anh T có được 02 đứa con chung Trương Ngọc Trâm, sinh ngày 23-4-2018, Trương Hữu Minh, sinh ngày 06-12-2014 theo bản sao trích lục khai sinh số 151/TLKS-BS ngày 04-5-2018 của Ủy ban nhân dân xã B và bản sao giấy khai sinh số 380/KS, quyền số 02/2014 của Ủy ban nhân dân xã B.

Nguyên nhân ly hôn: Mỗi lần anh T đi nhậu về thường kiểm chuyện bắt lỗi trong khi chị Q không dám nói gì về anh. Có lần anh T say xỉn dùng tay đánh vào đầu chị Q. Thấy anh T uống rượu không có mục đích chính đáng, ngày này qua ngày nọ mà không chịu từ bỏ, thậm chí lún sâu vào bia rượu, sợ anh T bị ảnh hưởng sức khỏe nên chị Q và cha mẹ có khuyên nhủ anh bỏ rượu thì T lại chứng nào tật nấy, ăn nhậu xong rồi bỏ nhà đi lông bông. Đầu năm 2021, thấy anh T có rượu là bỏ nhà đi, còn bản thân chị Q ở nhà với 02 con tại nhà cha mẹ của anh T. Thấy hoàn cảnh anh T chỉ biết ăn nhậu, có lần chị Q nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T, được Tòa án hòa giải động viên thì anh T cũng hứa từ bỏ. Vì vậy, chị Q mới rút lại đơn khởi kiện để tạo cơ hội cho anh T sửa đổi tính tình. Thế nhưng, thời gian qua, anh T không chịu sửa đổi bản tính, chị Q cảm thấy buồn trước sự hững hờ, thiếu quan tâm vợ con đối với anh T. Từ đó, chị Q chịu đựng hết nổi và về nhà cha mẹ của chị Q sinh sống (tại xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới) được khoảng nửa năm nay. Do đó, chị Q yêu cầu ly hôn với anh T.

Khi ly hôn, chị Q có yêu cầu nuôi dưỡng 02 đứa con Trương Hữu Minh và Trương Ngọc Trâm nhưng sau đó, chị Q tự nguyện giao 02 đứa con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Q trình bày không có tài sản, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tự nguyện giao 02 đứa con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng tại nhà cha mẹ của anh T do gia đình bên anh T có điều kiện hơn. Vợ chồng có gây gổ đánh nhau nên chị Q về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới từ khoảng năm 2021 đến nay, gia đình hàn gắn nhiều lần mà không được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Chị Phan Ngọc Q đã thực hiện đầy đủ các quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Trương Hữu T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, tham gia phiên họp và hòa giải, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, anh

T vắng mặt không có lý do theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: anh T thường xuyên uống rượu, bia, không quan tâm chị Q, còn gây gổ, đánh chị Q, cho thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hiện con chung Trương Ngọc Trâm, sinh ngày 23-4-2018, Trương Hữu Minh, sinh ngày 06-12-2014 đang sống chung với anh T ổn định, trẻ Trương Hữu Minh có nguyện vọng sống chung với anh T và chị Q tự nguyện giao 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T; anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Ngọc Trâm, sinh ngày 23-4-2018, Trương Hữu Minh, sinh ngày 06-12-2014, anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị Q có đơn khởi kiện đối với anh T về yêu cầu ly hôn. Anh T có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị Q và anh T xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B cấp chứng nhận kết hôn nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, chị Q cho rằng do anh T thường xuyên uống rượu, bia về đánh đập chị Q, thậm chí sau cuộc say xỉn, anh T bỏ nhà đi, không còn quan tâm chị Q. Từ đó chị Q về nhà cha mẹ của chị Q sinh sống và chính thức ly thân với anh T khoảng năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì kết quả xác định “anh T có uống rượu, say xỉn phát sinh gây gổ với chị Q, chị Q có về nhà cha mẹ của chị Q sinh sống nhưng không rõ thời điểm ly thân” theo biên bản xác minh ngày 22-3-2022.

[4] Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý, hòa giải, xét xử vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q. Hơn nữa,

Tòa án tổ chức hòa giải theo yêu cầu ly hôn của chị Q nhưng ý kiến của chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không muốn duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh T. Đồng thời, anh T không có ý định hàn gắn tình cảm, vắng mặt tại các phiên hòa giải của Tòa án nên việc hòa giải đoàn tụ không thành.

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị Q yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ do anh T thường sử dụng rượu, bia làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, cả hai cũng không còn sống chung trong khoảng thời gian dài, bỏ mặc nhau, điều đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh T đã thật sự không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh T.

[6] Về ý kiến, yêu cầu nuôi con: chị Q tự nguyện giao 02 con chung Trương Ngọc Trâm, sinh ngày 23-4-2018, Trương Hữu Minh, sinh ngày 06-12-2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại văn bản ý kiến nguyện vọng của con Trương Hữu Minh ghi nhận *“trẻ có nguyện vọng sống chung với anh T”*. Như vậy, cả hai con Trương Ngọc Trâm và Trương Hữu Minh đang sống chung với anh T, có điều kiện sinh hoạt, học hành, sống ổn định trong khoảng thời gian dài tại nhà của cha mẹ anh T, bảo đảm quyền lợi cho 02 con được nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, cũng như tôn trọng ý kiến của con.

[7] Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án chấp nhận ý kiến tự nguyện của chị Q, giao con Trương Ngọc Trâm, sinh ngày 23-4-2018, Trương Hữu Minh, sinh ngày 06-12-2014 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh T không có ý kiến, yêu cầu chị Q cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, việc nuôi con là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cha, mẹ nên anh T phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị Q thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí sơ thẩm: chị Q phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Ngọc Q đối với bị đơn anh Trương Hữu T.

Chị Phan Ngọc Q được ly hôn với anh Trương Hữu T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 268, ngày đăng ký 26-12-2013 được Ủy ban nhân dân xã B cấp cho chị Q và anh T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao con Trương Ngọc Trâm, sinh ngày 23-4-2018, Trương Hữu Minh, sinh ngày 06-12-2014 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh T không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Chị Q không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm: chị Phan Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0010188 ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Chị Q có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân